

Bản án số: 1187/2024/HS-PT

Ngày: 19 - 12 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 768/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 344/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1/ **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1968 tại tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 88/4 đường H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú trước khi bị bắt: Phòng 101, Lô A2, chung cư B, phường X, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trình độ học vấn: lớp 12/12 phổ thông, nghề nghiệp: nguyên Phó Viện trưởng, kiêm Kế toán trưởng Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S (sinh năm 1933) và bà Đàm Thị H (sinh năm 1936); có vợ là chị Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1985) và 4 người con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/3/2023, có mặt.

2/ **Võ Thị H1**, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1986 tại tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A07.10 chung cư Q, ấp 5A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: A24.18 chung cư Q, ấp 5A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12 phổ thông; nghề nghiệp: nguyên Thủ quỹ Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn

B (sinh năm 1956) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1966); có chồng là ông Nguyễn Khánh T (sinh năm 1982), và 2 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, có mặt.

3/ **Nguyễn Thị Y**, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1976 tại tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 392/8/89 đường C, Phường 1X, Quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12 phổ thông; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1940) và bà Vũ Thị M (sinh năm 1943); quan hệ hôn nhân: chưa kết hôn; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, có mặt.

Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

Lê Thành Đ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1962 tại: tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và chỗ ở: Nhà số 174/8 L, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Viện trưởng Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng D, sinh năm: 1926 (đã chết), và bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1923 (đã chết); có vợ là Trịnh Thị H, sinh năm: 1958, có 02 con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 15/3/2023. (vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 685 đường T, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông Giang Hán M, chức vụ: Viện trưởng Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người bào chữa:

Luật sư Mai Thành T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H, có mặt.

Luật sư Vũ Kim Đ và luật sư Phạm Kim P, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Võ Thị H1, có mặt.

Luật sư Nguyễn Quỳnh T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Viện S), là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo Quyết định số 2222/QĐ-BYT ngày 18/6/2003 của Bộ Y tế.

Lê Thành Đ giữ chức vụ Viện trưởng, Bí thư Ban chấp hành Đảng bộ Viện S là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý, chỉ đạo, điều hành chung mọi hoạt động của Viện S; trực tiếp chỉ đạo các nhiệm vụ lớn, quan trọng thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện S.

Nguyễn Văn H giữ chức vụ: Phó Viện trưởng phụ trách kinh tế, kiêm Kế toán trưởng; Đảng ủy viên. Võ Thị H1 là Thủ quỹ. Nguyễn Thị Y là Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tổng hợp.

Theo Giấy phép số 01/BYT-GPHĐ ngày 12/9/2014 và Giấy phép số 01/BYT-GPHĐ ngày 26/5/2022 do Bộ Y tế cấp thì Viện S có một Phòng khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng, được phép hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh từ thứ Hai đến Chủ nhật, thời gian làm việc hằng ngày 24/24 giờ. Từ năm 2014 đến tháng 7/2018, Viện S chỉ triển khai khám chữa bệnh từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần. Từ tháng 7/2018, Lê Thành Đ đã tổ chức nhiều cuộc họp với Ban lãnh đạo, lãnh đạo các khoa, phòng của Viện S, thống nhất chủ trương tổ chức thực hiện Phòng khám bệnh chuyên khoa ký sinh trùng làm việc thêm ngày Thứ bảy và Chủ nhật với mục đích công khai là tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ, viên chức của Viện và tạo nguồn tiền để chi tiêu theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Doanh thu khám chữa bệnh từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần thì vắn nộp vào Kho bạc Nhà nước (Quận 5) để kê khai, nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, còn doanh thu của các ngày thứ Bảy và Chủ nhật thì Lê Thành Đ đã bàn bạc, chỉ đạo riêng cho Nguyễn Văn H tìm phương án tách riêng không nộp và để ngoài sổ sách kế toán.

Để thực hiện việc quản lý hai nguồn doanh thu trên, Nguyễn Văn H đã chỉ đạo mở thêm một phần mềm kế toán khác. Do đó, từ năm 2018, Viện S sử dụng hai hệ thống sổ sách, phần mềm kế toán: một hệ thống sổ sách và phần mềm kế toán chính thức (Phần mềm tên MISA Mimosa.NET2020TM có biểu tượng màu xanh dương) dùng để cung cấp cho cơ quan chức năng và một hệ thống sổ sách, phần mềm kế toán không chính thức (Phần mềm tên MISA Mimosa.NET2019TM có biểu tượng màu đỏ) dùng để quản lý, theo dõi các khoản tiền để ngoài sổ sách và chi sai quy định, không có chứng từ để thanh quyết toán.

Nguyễn Văn H trực tiếp phân công chị Nguyễn Thị Khánh L là kế toán phụ trách nguồn thu, chỉ dịch vụ Phòng tài chính kế toán quản lý nguồn tiền thu được từ hoạt động khám chữa bệnh ngày thứ Bảy, Chủ nhật. Đến tháng 09/2019, chị Linh nghỉ việc thì H phân công chị Đoàn Thị Yến L1 là kế toán tiếp tục thực hiện công việc mà Khánh L giao lại. Đến tháng 03/2021, chị Yến L1 nghỉ thai sản nên H phân công chị Nguyễn Thị Ngọc C kế toán tiếp tục thực hiện công việc trên. Ngoài ra, H còn phân công 02 kế toán dịch vụ khác là chị Nguyễn Thị Kim T và chị Nguyễn Lê Anh P thực hiện việc lập một số phiếu chi từ nguồn thu thứ Bảy, Chủ nhật này.

Nguyễn Văn H trực tiếp phân công Võ Thị H1 là Thủ quỹ quản lý, theo dõi thu, chi tiền mặt nguồn tiền thu được từ phòng khám chữa bệnh ngày thứ Bảy, Chủ nhật, lập sổ quỹ tiền mặt và thực chi khi có chứng từ phê duyệt nguồn chi của lãnh đạo Viện S, đồng thời lưu trữ toàn bộ chứng từ chi sai quy định để theo dõi, đối chiếu nguồn doanh thu nêu trên.

Từ tháng 7/2021, Viện S được Bộ Y tế cho phép thực hiện xét nghiệm Covid tại trụ sở Viện và xét nghiệm lưu động nên Đồng và H đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị

Ngọc C là nhân viên kế toán dịch vụ thực hiện việc trích chuyển một phần doanh thu từ dịch vụ xét nghiệm Covid vào tài khoản ngân hàng để chi tiêu riêng cho Viện S mà không nộp vào Kho bạc nhà nước để hạch toán thu theo quy định.

Lê Thành Đ duyệt chứng từ nguồn thu phòng khám các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và nguồn trích từ doanh thu xét nghiệm, đồng thời là người quyết định nguồn chi. Nguyễn Văn H và Võ Thị H1 thực hiện việc chi tiền theo chỉ đạo của Lê Thành Đ.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 8/2018 đến năm 2022, tổng thu từ nguồn khám chữa bệnh ngày thứ Bảy, Chủ nhật của Viện S là 11.557.948.130 đồng và chứng từ chi thể hiện đã chi hết số tiền này; số tiền thu dịch vụ xét nghiệm Covid19 không nộp về Kho bạc nhà nước mà để sử dụng chi là 1.153.775.831 đồng. Trong đó có chi tiền thu nhập tăng thêm cho các cán bộ, viên chức của Viện S với từng mức độ, vị trí công tác. Cá nhân Lê Thành Đ nhận hưởng 100.329.925 đồng, Nguyễn Văn H nhận hưởng 46.011.951 đồng, Võ Thị H1 nhận hưởng 88.102.018 đồng. Qua những tài liệu và 93 bộ chứng từ thể hiện nội dung chi cho các đoàn thanh tra, kiểm toán, mua quà biếu, chi bồi dưỡng cho các cá nhân có quan hệ với Viện S tổng số tiền 5.660.819.600 đồng nhưng kết quả điều tra không có căn cứ xác định các cá nhân đã nhận tiền theo chứng từ chi.

Ngoài ra, mặc dù mặt bằng khuôn viên của Viện S chưa được Bộ Y Tế cho phép Viện S khai thác dưới hình thức cho thuê, nhưng Lê Thành Đ vẫn ký hợp đồng cho Cửa hàng mắt kính Á Châu (do ông Đặng Tiến D làm đại diện) thuê một phần mặt bằng khuôn viên tại địa chỉ số 685 Trần Hưng Đạo, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh làm mở tiệm kinh doanh mặt hàng mắt kính từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2023.

Để hợp thức hóa, Lê Thành Đ chỉ đạo Nguyễn Thị Y là Trưởng phòng hành chính tổng hợp kiêm Chủ tịch công đoàn của Viện S soạn thảo hợp đồng cho thuê mặt bằng dưới hình thức là “Hợp đồng giao khoán công việc”, theo đó Viện S cho Cửa hàng mắt kính Á Châu thuê mặt bằng với giá 40.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm cả tiền điện, nước không được sử dụng vượt quá 5.000.000 đồng/tháng). Theo hợp đồng, số tiền thu được sẽ do Ban chấp hành Công đoàn Viện S phụ trách thu, sau đó nộp về Phòng tài chính kế toán theo chỉ đạo của ông Đ. Thực tế, Nguyễn Thị Y là người trực tiếp nhận tiền hàng tháng để nộp về Phòng tài chính kế toán. Sau khi ký hợp đồng, trong Quý I/2021, Y nhiều lần nhắc ông D nộp tiền thuê mặt bằng, nhưng ông D lấy lý do cửa hàng mới mở và còn đang phải sửa chữa mặt bằng nên lượng khách ít, đề nghị Y báo cáo lãnh đạo giảm giá cho thuê mặt bằng. Y nói ông D liên hệ trực tiếp với Lê Thành Đ. Sau khi ông D đã thống nhất được với ông Đ giảm từ 40.000.000 đồng/tháng xuống còn 30.000.000 đồng/tháng (gồm 25.000.000 đồng tiền cho thuê + 5.000.000 đồng điện nước) thì Y được chỉ đạo thu 30.000.000 đồng/tháng đã bao gồm cả tiền điện nước.

Ngày 16/4/2021, ông D đóng 120.000.000 đồng tiền thuê mặt bằng mắt kính từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021 (30.000.000 đồng một tháng). Sau khi

nhận tiền, Y sử dụng bản hợp đồng cũ (có giá thuê 40.000.000 đồng/tháng), gỡ bỏ trang 1, soạn lại trang số 1 mới, sửa lại giá thuê là 25.000.000 đồng/tháng, ghim lại cùng với mặt sau của hợp đồng đã được Lê Thành Đ và ông D ký trước đó đưa cho ông Đ bút phê vào trang số 1, sau đó đưa về Văn thư của Viện Sốt Rét đóng dấu, sau đó Y tự dùng bút chì điền số hợp đồng và ngày ký hợp đồng và lưu tại phòng làm việc của Y. Ngày 20/4/2021, Y đem bản photocopy Hợp đồng cho chị Nguyễn Thị Ngọc C là nhân viên kế toán Phòng tài chính kế toán. Chị C lập phiếu thu tiền với nội dung “*Nộp doanh thu tiền cho thuê mặt bằng kinh doanh kính thuốc từ tháng 01-04/2021*” số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi có phiếu thu, Y nộp số tiền 100.000.000 đồng cho Võ Thị H1 là Thủ quỹ. Số tiền còn lại là 20.000.000 đồng Y chiếm hưởng.

Ngày 10/05/2021, Y nhận được đơn của ông D xin giảm giá cho thuê mặt bằng từ 25.000.000 đồng xuống còn 20.000.000 đồng/tháng, có bút phê của ông Đ giao “*Ban chấp hành Công đoàn giải quyết*”. Do đó, trong các tháng 5 và 6/2021 Y thu của ông D 25.000.000 đồng/tháng (gồm thêm 5.000.000 đồng/tháng tiền điện, nước), nhưng Y chỉ đóng cho Thủ quỹ 20.000.000 đồng/tháng. Khi Kế toán và Thủ quỹ hỏi Y sao nộp ít hơn các tháng trước thì Y nói do dịch Covid nên Cửa hàng không buôn bán được và xin giảm giá, nhưng Y không đưa đơn xin giảm giá thuê của ông D cho phòng tài chính kế toán lưu giữ. Qua đó, Y chiếm hưởng 10.000.000 đồng.

Từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021 do dịch bùng phát nên cửa hàng mắt kính không hoạt động, Viện cũng đã thống nhất không thu tiền từ việc cho thuê mặt bằng cửa hàng kính thuốc.

Từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2023, ông D trả tiền thuê mặt bằng qua hình thức chuyển khoản trực tiếp mỗi tháng 25.000.000 đồng vào tài khoản của Y. Y không nộp cho Kế toán tiền thuê của tháng 11/2021, còn các tháng sau thì chỉ nộp cho Kế toán 20.000.000 đồng/tháng. Qua đó, Y chiếm hưởng 95.000.000 đồng.

Như vậy, từ năm 2021 đến tháng 01/2023, tổng doanh thu phát sinh có được khi cho thuê tiệm kính thuốc là 545.000.000 đồng. Y đã nộp cho Phòng tài chính kế toán 420.000.000 đồng, chiếm đoạt 125.000.000 đồng. Số tiền cho thuê mặt bằng từ tháng 01 đến tháng 6/2021 là 140.000.000 đồng đã không được hạch toán vào doanh thu để tính thuế mà gộp chung với nguồn thu khám chữa bệnh ngày thứ 7, Chủ nhật.

Quá trình điều tra, Y khai sau khi nhận tiền cho thuê mặt bằng, có đưa cho Lê Thành Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng Y đã đưa cho Đ 105.000.000 đồng nhưng Đ không thừa nhận.

Sau khi sự việc bị phát giác, gia đình Lê Thành Đ đã nộp số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh giúp Lê Thành Đ khắc phục hậu quả. Nguyễn Thị Y đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng là 125.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Võ Thị H1 đã nộp số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công

an Thành phố Hồ Chí Minh để góp phần khắc phục hậu quả chung của vụ án. Gia đình Nguyễn Văn H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 334/2024/HS-ST ngày 17/7/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Lê Thành Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (15/3/2023).

Cấm Lê Thành Đ đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành án xong.

2. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (15/3/2023).

Cấm Nguyễn Văn H đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành án xong.

3. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Võ Thị H1 07 (bảy) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Cấm Võ Thị H1 đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành án xong.

4. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị Y 03 (ba) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Cấm Nguyễn Thị Y đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành án xong.

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Buộc Lê Thành Đ và Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 5.660.819.600 (năm tỷ sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm) đồng, trừ đi số tiền bị cáo Võ Thị H1 đã tự nguyện nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, chia theo phần mỗi bị cáo còn phải bồi thường là 2.815.409.800 (hai tỷ tám trăm mười lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng, cụ thể:

+ Khấu trừ số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng gia đình Lê Thành Đ đã nộp để khắc phục hậu quả theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 03/8/2023 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Thành Đ còn phải bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 815.409.800 (tám trăm mười lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng;

+ Khấu trừ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng gia đình Nguyễn Văn H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005448 ngày 05/7/2024 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn H còn phải bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.810.409.800 (hai tỷ tám trăm mười triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng.

- Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Khấu trừ số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng Nguyễn Thị Y đã nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 02/8/2023 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định Nguyễn Thị Y đã bồi thường xong.

- Ghi nhận việc Võ Thị H1 tự nguyện nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 08/3/2024 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo).

Ngày 22/7/2024, Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo cho rằng phạm tội lần đầu do thiếu suy nghĩ, bản thân có nhân thân tốt, có quá trình làm việc, cống hiến hơn hai chục năm cho Viện S, đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng, bản thân đang là lao động chính chăm sóc cha mẹ già bệnh tật, xin được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung.

Ngày 26/7/2024, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt 9 năm tù là quá nặng, xin được giảm hình phạt.

Ngày 29/7/2024, Võ Thị H1 có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội do làm theo sự chỉ đạo của cấp trên, vai trò giúp sức không đáng kể, không có động cơ vụ lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xin được giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1, Nguyễn Thị Y thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ khoản tiền Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H phải bồi thường có trùng với

khoản tiền mà Viện S có văn bản thu hồi công nợ (tiền tạm ứng) từ các cá nhân, trong đó có Nguyễn Văn H với số tiền trên 800.000.000 đồng hay không. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H có vai trò thấp hơn bị cáo Lê Thành Đ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đ nhưng lại chịu mức án cao hơn bị cáo Đ là quá nặng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi xét xử phúc thẩm đã nộp lại số tiền hơn 41.000.000 đồng, cộng với số tiền 5.000.000 đồng đã nộp trước khi xét xử sơ thẩm là toàn bộ số tiền bị cáo được nhận hưởng để khắc phục hậu quả, hoàn cảnh bản thân và gia đình của bị cáo có nhiều khó khăn, nên đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm cải tạo trở về hòa nhập cộng đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H1 trình bày quan điểm bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm chưa phân hóa vai trò phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo H1 phạm tội với vai trò giúp sức mờ nhạt, phụ thuộc hoàn toàn vào sự chỉ đạo của cấp trên, không có động cơ vụ lợi. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo nhận hưởng tổng số tiền hơn 88.000.000 đồng là tiền công bị cáo đi làm thêm thứ Bảy, Chủ nhật, tuy không bị buộc phải nộp lại nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp lại 30.000.000 đồng trước khi xét xử sơ thẩm, trước khi xét xử phúc thẩm đã nộp thêm hơn 58.000.000 đồng, là toàn bộ số tiền bị cáo nhận hưởng, để góp phần khắc phục một phần hậu quả của vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo H1 khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/HĐTP ngày 30/12/2020 và Nghị quyết số 02/2018/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Y trình bày quan điểm bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguyên nhân phạm tội của bị cáo. Bị cáo giữ lại một phần tiền thu được từ hoạt động cho thuê mặt bằng tiệm kính thuốc là theo sự chỉ đạo của Viện trưởng Lê Thành Đ, để chi tiêu nội bộ, nhưng quá trình điều tra thì Lê Thành Đ không nhớ đã sử dụng khoản tiền giữ lại, nên bị cáo Y mới phải chịu trách nhiệm về số tiền 125.000.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi vụ án được khởi tố, Nguyễn Thị Y đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền này. Ngoài ra, trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, vận dụng cho bị cáo, nay bị cáo nộp kèm theo Đơn đề ngày 15/11/2024. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, để bị cáo tiếp tục được làm việc tại Viện S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt, trong đó bị cáo H1 và bị cáo Y xin được

hưởng án treo. Các bị cáo H1, Y có tình tiết tăng nặng là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1 và bị cáo Y xin hưởng án treo.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều xuất trình được chứng cứ chứa đựng tình tiết mới để làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo H một phần hình phạt, từ 1 đến 2 năm tù; giảm cho bị cáo H1 một phần hình phạt, từ 1 đến 2 năm tù; đối với bị cáo Lê Thành Đ tuy không kháng cáo nhưng sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp thêm số tiền trên 800.000.000 đồng là đủ phân trách nhiệm bồi thường cho Viện S và đã nộp xong án phí sơ thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá trong quá trình nghị án; đối với bị cáo Y cũng có một số tình tiết giảm nhẹ mới, nên cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá trong quá trình nghị án.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y đều mong Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, các bị cáo không vụ lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; bị cáo H1 và bị cáo Y xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được điều tra, thu thập, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, quan điểm bào chữa của các luật sư, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1, Nguyễn Thị Y được làm trong thời hạn luật định, phù hợp về hình thức nên đủ điều kiện để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Nguyễn Văn H, Võ Thị H1, Nguyễn Thị Y thừa nhận quá trình điều tra không bị bức cung hay dùng nhục hình, lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm là đúng sự thật; đồng thời các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: các bản tự khai, bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người làm chứng, biên bản nhận dạng, bản kết luận giám định, các tài liệu, chứng từ thu chi tài chính, sổ sách kế toán... đã được cơ quan điều tra thu giữ, nên đủ căn cứ xác định:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 01/2022, Lê Thành Đ với cương vị là lãnh đạo đứng đầu Viện S, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo Nguyễn Văn H tìm cách tách nguồn thu khám chữa bệnh của Phòng khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật để quản lý riêng, không đưa vào báo cáo tài chính, không nộp vào Kho bạc

nhà nước, không kê khai để nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Đồng còn ký kết hợp đồng cho người khác thuê một phần mặt bằng của Viện S để kinh doanh khi chưa được phê duyệt của Bộ Y tế và cũng để một phần tiền thu được từ hoạt động cho thuê mặt bằng ngoài sổ sách kế toán để chi tiêu. Lê Thành Đ và Nguyễn Văn H đã dùng nguồn tiền để ngoài sổ sách chứng từ kế toán, chi trả tiền làm thêm ngày thứ Bảy, Chủ nhật và chi tiền thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức của Viện S, ngoài ra còn chi cho các hoạt động không được phép chi như chi bồi dưỡng cho các đoàn thanh tra, kiểm toán, quà biếu, chi cho các cá nhân mà theo Đ và H là đã tạo các điều kiện cho Viện S được thuận lợi trong hoạt động. Cá nhân Đ đã nhận hưởng số tiền 100.329.925 đồng.

[2.2] Nguyễn Văn H với chức vụ Phó viện trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán và Kế toán trưởng của Viện S đã thống nhất với chủ trương của Lê Thành Đồng, trực tiếp chỉ đạo một số nhân viên kế toán lập phần mềm kế toán phụ theo dõi doanh thu của Phòng khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng Thứ bảy, Chủ nhật và tiền cho thuê mặt bằng, chỉ đạo Võ Thị H1 là Thủ quỹ không nộp khoản doanh thu từ các nguồn nêu trên về Kho bạc nhà nước để quản lý chi, không thực hiện việc báo cáo tài chính theo quy định và chi các khoản chi không đúng quy định theo chỉ đạo của bị cáo Đồng như trên. Cá nhân H đã nhận hưởng số tiền 46.011.951 đồng.

[2.3] Võ Thị H1 là Thủ quỹ được Nguyễn Văn H phân công theo dõi nguồn tiền mặt thu được từ doanh thu khám chữa bệnh các ngày thứ Bảy, Chủ nhật của Phòng khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng và tiền cho thuê mặt bằng. H1 biết rõ nguồn tiền trên không được hạch toán, báo cáo tài chính, không được nộp vào Kho bạc nhà nước theo quy định nhưng vẫn thực hiện theo chủ trương của Lê Thành Đ và chỉ đạo của Nguyễn Văn H, lập Sổ quỹ tiền mặt để quản lý tiền, chứng từ chi, lưu trữ chứng từ chi sai quy định và báo cáo việc thu chi cho Lê Thành Đ và Nguyễn Văn H. Võ Thị H1 đã nhận hưởng số tiền 88.102.018 đồng.

[2.4] Nguyễn Thị Y là Chủ tịch công đoàn, được Lê Thành Đ giao nhiệm vụ thu tiền cho cửa hàng kính thuốc thuê mặt bằng nộp cho phòng Tài chính kế toán. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2023, Y thực thu số tiền 545.000.000 đồng nhưng chỉ nộp cho Phòng Tài chính kế toán 420.000.000 đồng, 3 lần chiếm hưởng tổng số tiền 125.000.000 đồng.

[3] Từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2022, số tiền thu được từ hoạt động khám chữa bệnh của Phòng khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và tiền cho thuê mặt bằng là 11.557.948.130 đồng và tiền doanh thu dịch vụ xét nghiệm Covid19 là 1.153.775.831 đồng, nhưng không tổ chức hạch toán và báo cáo doanh thu, không nộp vào Kho bạc nhà nước theo quy định. Lê Thành Đ và Nguyễn Văn H đã chỉ đạo chi hết các số tiền này, trong đó, các khoản chi không nằm trong nội dung chi thường xuyên giao tự chủ, chi thường xuyên không giao tự chủ, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và quy chế chi tiêu nội bộ của Viện S, tức chi sai quy định là

5.660.819.600 đồng. Đây là khoản thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cụ thể là nguồn thu của Viện S.

[4] Với những hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lê Thành Đ, Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” với tình tiết định khung tăng nặng là “*Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Thị Y phạm tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, quá trình công tác đã có nhiều công lao, thành tích và được tặng thưởng danh hiệu, bằng khen, giấy khen...., nhưng cũng cùng có chung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “*Phạm tội từ hai lần trở lên*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, đồng thời buộc các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo cung cấp thêm một số chứng cứ chứa đựng tình tiết mới, làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, ngoài việc xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá các chứng cứ mới này, vừa để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo đồng thời cũng là giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[5.1] Đối với Nguyễn Văn H: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, ở cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện đã tự nguyện nộp thêm được số tiền 41.011.951 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án. Ngoài ra, Viện S có Văn bản số 633/VSR-TCHC ngày 21/11/2024, và Công đoàn cơ sở của Viện S có Văn bản số 29/CĐCS ngày 20/11/2024, đều đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét quá trình công tác và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, từ đó giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Nhưng xét tổng số tiền 46.011.951 đồng mà bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả (bao gồm 5.000.000 đồng đã nộp ở giai đoạn sơ thẩm và 41.011.951 đồng mới nộp thêm) chỉ đúng bằng số tiền bị cáo đã nhận hưởng trong thời gian xảy ra vụ án (nhưng không bị buộc phải nộp lại), so với số tiền 2.815.409.800 đồng mà Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Viện S theo phân chia từ trách nhiệm liên đới với Lê Thành Đ là rất nhỏ (cụ thể là chỉ chiếm 1,634%), nên có giá trị không đáng kể trong việc khắc phục hậu quả của vụ án, để từ đó làm căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Tuy

nhiên, xét bị cáo là cấp phó của Lê Thành Đ, nhận sự chỉ đạo từ Viện trưởng Lê Thành Đ, không phải là người duyệt chứng từ nguồn thu để ngoài sổ sách chứng từ, không quyết định nguồn chi, trong đó có các nguồn chi trái pháp luật, mà chỉ thực hiện việc chi tiền theo chỉ đạo của Lê Thành Đ, nên bị cáo có vai trò thấp hơn Lê Thành Đ. Tòa án cấp sơ thẩm nghiêng về xem trọng việc khắc phục hậu quả hơn là tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, nên đã xử phạt Nguyễn Văn H mức án cao hơn Lê Thành Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là có phần không hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng cho bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xét giảm cho Nguyễn Văn H một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của luật pháp và đảm bảo lẽ công bằng.

[5.2] Đối với Võ Thị H1:

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, ở cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện đã tự nguyện nộp thêm được số tiền 58.102.018 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án. Ngoài ra, tại Văn bản số 633/VSR-TCHC ngày 21/11/2024 của Viện S và Văn bản số 29/CĐCS ngày 20/11/2024 của Công đoàn cơ sở của Viện S đều đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét quá trình công tác, hoàn cảnh gia đình và tình trạng bệnh tật hiện tại của bị cáo, từ đó giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Xét trong thời gian xảy ra vụ án, bị cáo H1 đã nhận hưởng số tiền 88.102.018 đồng. Đây là số tiền bị cáo được chia thu nhập tăng thêm và tiền làm thêm ngày thứ Bảy, Chủ nhật, không bị cơ quan tiến hành tố tụng buộc phải nộp lại. Tuy nhiên, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, Võ Thị H1 đã chủ động nộp lại số tiền 30.000.000 đồng; trong thời gian Tòa án cấp phúc thẩm chuẩn bị xét xử vụ án, Võ Thị H1 tiếp tục nộp thêm số tiền 58.102.018 đồng. Bị cáo không bị buộc bồi thường thiệt hại cho Viện S, nhưng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền nhận hưởng, điều này vừa thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, vừa là sự tự nguyện góp phần khắc phục một phần hậu quả của vụ án. Thêm nữa, xét khi phạm tội bị cáo là Thủ quỹ của Viện S, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Phó viện trưởng Nguyễn Văn H và Viện trưởng Lê Thành Đ, thực hiện việc chi tiền theo chỉ đạo của Nguyễn Văn H, nên bị cáo có vai trò thấp hơn Nguyễn Văn H, Lê Thành Đ. Bị cáo phạm tội không có động cơ vụ lợi. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án nên đã xử phạt Võ Thị H1 07 (bảy) năm tù, chỉ ít hơn mức án của Lê Thành Đ 06 (sáu) tháng tù là không hợp lý. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội từ hai lần trở lên*”, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ có thể cho bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

xét giảm cho Võ Thị H1 một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của luật pháp và đảm bảo lẽ công bằng.

[5.3] Đối với Nguyễn Thị Y: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, ở cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Trong quá trình công tác, bị cáo đã được Bộ trưởng Bộ Y tế, Đảng bộ Khối cơ sở y tế, Đảng bộ Việt Sốt rét, Công đoàn y tế Việt Nam, Ban chấp hành liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh tặng nhiều giấy khen, bằng khen. Về nhân thân, bị cáo có cha đẻ là người có công trong thời kỳ chống Mỹ, được tặng Huân chương kháng chiến, có chú ruột là liệt sĩ, gia đình và bản thân bị cáo đang là người thờ cúng liệt sĩ. Về hoàn cảnh của bản thân, bị cáo hiện chưa lập gia đình riêng, đang sống cùng và là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già yếu, bệnh tật, bản thân bị cáo cũng đang phải điều trị u gan do viêm gan siêu vi B, bệnh lý tăng huyết áp và đái tháo đường. Hiện tại bị cáo vẫn được Viện Sốt rét tạo điều kiện cho làm nhân viên của Phòng Kế hoạch – Tổng hợp với chức danh là Nghiên cứu viên chính. Bị cáo cho rằng nếu bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì cha mẹ già không có người chăm sóc và bị cáo cũng không có điều kiện thăm khám, điều trị bệnh tật của bản thân. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội từ hai lần trở lên*”, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy ở cấp sơ thẩm, bị cáo cũng đã được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm v khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự, nay ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ tuy cũng chứa đựng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng là những chứng cứ mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng cho bị cáo. Do đó, có căn cứ để xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt chính. Bị cáo kháng cáo xin được miễn hình phạt bổ sung là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Trong vụ án này, sau khi bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, Lê Thành Đ không kháng cáo. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được đơn của anh Lê Đăng M (sinh năm 1987, là con đẻ của Lê Thành Đ) xin giảm hình phạt cho Lê Thành Đ. Kèm theo đơn, anh Minh đã nộp bản sao các biên lai thể hiện Lê Thành Đ đã tác động gia đình nộp đủ số tiền 815.409.800 đồng theo phần chia từ trách nhiệm liên đới Nguyễn Văn H để bồi thường cho Viện S và số tiền là 36.662.294 đồng án phí sơ thẩm. Ngoài ra, anh Minh còn cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ thể hiện Lê Thành Đ là cán bộ có trình độ chuyên môn, học vị Tiến sĩ, có nhiều thành tích trong công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế đã được Chủ tịch nước phong các danh hiệu Thầy thuốc ưu tú (năm 2010), Thầy thuốc nhân dân (năm 2017), được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước phong tặng chức danh Phó Giáo sư (năm 2013), nhiều năm được tặng danh hiệu Chiến

sĩ thi đua Ngành, Bằng khen, Giấy khen của Bộ Y tế. Như vậy, mặc dù Lê Thành Đ không kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã xuất hiện một số chứng cứ mới, chứa đựng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 3 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự để giảm cho Lê Thành Đ một phần hình phạt.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về cơ bản là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng phù hợp một phần về việc xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo nên được chấp nhận; riêng quan điểm đề nghị cho bị cáo Võ Thị H1 và bị cáo Nguyễn Thị Y được hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung đối với Lê Thành Đ, Nguyễn Văn H và Võ Thị H1, về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 345, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của Võ Thị H1; chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị Y, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 344/2024/HS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Tuyên bố: Lê Thành Đ, Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; Nguyễn Thị Y phạm tội “Tham ô tài sản”.

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Lê Thành Đ 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (15/3/2023).

1.2. Căn cứ khoản 3 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn H 8 (tám) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (15/3/2023).

1.3. Căn cứ khoản 3 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Võ Thị H1 5 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.4. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị Y 2 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Cấm Nguyễn Thị Y đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành án xong.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Buộc Lê Thành Đ và Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 5.660.819.600 (năm tỷ sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm) đồng, trừ đi số tiền bị cáo Võ Thị H1 đã tự nguyện nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, chia theo phần mỗi bị cáo còn phải bồi thường là 2.815.409.800 (hai tỷ tám trăm mười lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng, chia phần cụ thể:

+ Khấu trừ số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng gia đình Lê Thành Đ đã nộp để khắc phục hậu quả theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 03/8/2023 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 815.409.800 anh Lê Đăng Minh nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0013600 ngày 17/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, xác định Lê Thành Đ đã bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh đủ số tiền 2.815.409.800 (hai tỷ tám trăm mười lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng theo phần chia từ trách nhiệm liên đới với Nguyễn Văn H;

+ Khấu trừ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng gia đình Nguyễn Văn H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005448 ngày 05/7/2024 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 41.011.951 đồng bà Nguyễn Ngọc Hân nộp thay theo Biên lai số 0069348 ngày 27/11/2024 và số tiền 58.102.018 đồng Võ Thị H1 đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0069453 ngày 11/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn H còn phải bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.711.295.831 (hai tỷ bảy trăm mười một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi một) đồng theo phần chia từ trách nhiệm liên đới với Lê Thành Đ.

2.2. Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Khấu trừ số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng Nguyễn Thị Y đã nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 02/8/2023 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định Nguyễn Thị Y đã bồi thường xong.

2.3. Ghi nhận việc Võ Thị H1 tự nguyện nộp thêm số tiền 58.102.018 đồng theo Biên lai thu tiền số 0069453 ngày 11/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cộng với số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đã nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh số 39490905977500000 ngày 08/3/2024 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng cộng là 88.102.018 đồng, để bồi thường cho Viện S – K – C Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung đối với Lê Thành Đ, Nguyễn Văn H, Võ Thị H1, về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Nguyễn Văn H, Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam T30;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3), 20b (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Văn